2026-2027 USA Fencing Rolling Point Standings
V50MS

RANK	NAME	YOB	CURRENT AS OF 10/26/2026 DIVISION	ROLLING POINTS	V50 - FEB PLACE	2026 POINTS	V50 - APR PLACE	2026 POINTS	V50 - NTLS PLACE	2026 POINTS	V50 - WORLDS PLACE	2026 POINTS
1	Phillips, Kim V	1972	Metro NYC	1365	3	340	3	340	5	280	8	685
2	Makogon, Sergey	1971	Utah-S.Idaho	1313	3	340	6	278	6	278	6	695
3	Bush, Joshua C	1974	Nebr-S.Dak	800	1	400	1	400	np	0	35	0
4	Zoller Matthew	1970	Colorado	736	2	368	2	368	3	340	38.5	0
5	Plonka, Derek	1976	Southern California	606	14	204	13	206	1	400	np	0
6T	Dolegiewicz, Mariusz	1968	Illinois	556	5	280	7	276	np	0	np	0
6T	Meehan, Justin X	1970	Oregon	556	7	276	5	280	7	276	np	0
8	Szulim, Rad	1973	Capitol	552	10	212	11	210	3	340	np	0
9	Boylan, John	1968	Kentucky	548	12	208	3	340	15	202	np	0
10	Colter, Richard	1973	Colorado	490	6	278	10	212	14	204	np	0
11	Pinto, Augusto	1976	Connecticut	488	8	274	15	202	9	214	np	0
12	Springer, Michael	1974	New England	484	17	140	8	274	11	210	np	0
13	Staten, Joseph	1972	Western WA	474	16	200	np	0	8	274	np	0
14	Waxler, Aaron	1977	West-Rock	418	np	0	np	0	np	0	np	0
15	Penton, Robert	1968	Great Britain	416	15	202	9	214	np	0	np	0
16	Dhar, Asif	1975	Capitol	400	21	132	16	200	16	200	np	0
17	Cheron, Bruno	1976	North TX	368	np	0	np	0	2	368	np	0
18	Cogan, Derek	1972	Western WA	342	20	134	np	0	12	208	np	0
19	Abousamra, Mamdou K	1975	Metro NYC	336	23	128	12	208	np	0	np	0
20	Lukibanov, Oleg	1968	Michigan	214	9	214	np	0	np	0	np	0
21	Kniser, Tim	1970	Oregon	212	np	0	np	0	10	212	np	0
22	Katz, Jason	1974	Connecticut	210	11	210	np	0	np	0	np	0
23T	Bartlett, Jonathan	1975	Metropolitan NYC	206	13	206	np	0	np	0	np	0
23T	*Wang, Albert*	*1976*	*FRA*	*206*	*np*	*0*	*np*	*0*	*13*	*206*	*np*	*0*
25	Mercure, Edward (Tony)	1975	New England	204	np	0	14	204	np	0	np	0
26T	Papp, Mike	1970	Illinois	140	np	0	np	0	17	140	np	0
26T	Minott, Nicolas	1972	Utah-S.Idaho	140	np	0	17	140	np	0	np	0
28	Barnett, Brandon	1969	Oregon	138	np	0	np	0	18	138	np	0
29	Gorman, Daniel	1971	Gulf Coast	136	np	0	np	0	19	136	np	0
30	Davisson, Zack	1972	Western WA	134	np	0	np	0	20	134	np	0
31	Cho, Yutong	1972	Metro NYC	130	22	130	np	0	np	0	np	0
32	Chen, Lester	1969	Orange Coast	126	24	126	np	0	np	0	np	0

np = Did not earn points (including not competing)

2026-2027 USA Fencing Rolling Point Standings
V50MS

CURRENT AS OF 10/26/2026	V40 - FEB PLACE	2026 POINTS	V40 - APR PLACE	2026 POINTS	V40 - NTLS PLACE	2026 POINTS	V40 - WORLDS PLACE	2026 POINTS
Phillips, Kim V	np	0	np	0	np	0	np	0
Makogon, Sergey	np	0	np	0	np	0	np	0
Bush, Joshua C	np	0	np	0	np	0	np	0
Zoller Matthew	np	0	np	0	np	0	np	0
Plonka, Derek	np	0	np	0	np	0	np	0
Dolegiewicz, Mariusz	np	0	np	0	np	0	np	0
Meehan, Justin X	np	0	np	0	np	0	np	0
Szulim, Rad	np	0	np	0	np	0	np	0
Boylan, John	np	0	np	0	np	0	np	0
Colter, Richard	np	0	np	0	np	0	np	0
Pinto, Augusto	np	0	np	0	np	0	np	0
Springer, Michael	np	0	np	0	np	0	np	0
Staten, Joseph	np	0	np	0	np	0	np	0
Waxler, Aaron	11	210	12	208	np	0	np	0
Penton, Robert	np	0	np	0	np	0	np	0
Dhar, Asif	np	0	np	0	np	0	np	0
Cheron, Bruno	np	0	np	0	np	0	np	0
Cogan, Derek	np	0	np	0	np	0	np	0
Abousamra, Mamdou K	np	0	np	0	np	0	np	0
Lukibanov, Oleg	np	0	np	0	np	0	np	0
Kniser, Tim	np	0	np	0	np	0	np	0
Katz, Jason	np	0	np	0	np	0	np	0
Bartlett, Jonathan	np	0	np	0	np	0	np	0
Wang, Albert	*np*	*0*	*np*	*0*	*np*	*0*	np	0
Mercure, Edward (Tony)	np	0	np	0	np	0	np	0
Papp, Mike	np	0	np	0	np	0	np	0
Minott, Nicolas	np	0	np	0	np	0	np	0
Barnett, Brandon	np	0	np	0	np	0	np	0
Gorman, Daniel	np	0	np	0	np	0	np	0
Davisson, Zack	np	0	np	0	np	0	np	0
Cho, Yutong	np	0	np	0	np	0	np	0
Chen, Lester	np	0	np	0	np	0	np	0

np = Did not earn points (including not competing)